

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/ 2024/DS-ST

Ngày: 19/06/2024

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Võ Đức Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 14 tháng 6 năm 2024 và ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Bích N, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Tâm A, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn:* Bà Đinh Thị Bích D, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Hoàn, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Bích N trình bày: Ngày 24/3/2021 bà N cho bà Đinh Thị Bích D vay số tiền 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng). Khi vay có viết giấy xin vay vốn kiêm hợp đồng đối với CBCNV lập ngày 24/3/2021. Trong giấy ghi người vay là bà Đinh Thị Bích D và ông Hồ Quang L (chồng bà D), nhưng thực tế chỉ có bà D ký tên, bà N đã giao tiền cho bà D. Thỏa thuận lãi suất 0.9%/tháng, thời hạn cho vay là 20 tháng nhân lên thành tiền là 44.600.000đ, sau đó chia ra 20 tháng, mỗi tháng phải trả 2.230.000đ. Thời gian trả từ

tháng 4/2021 đến tháng 11/2022. Hình thức vay theo NHQT. Trong thời gian vay, tháng 7/2022 bà D trả được 2.230.000đ. Sau đó bà D không trả nên bà N kiện ra nhà trường nơi bà D dạy. Ngày 03/3/2023 tại cuộc họp, bà N và bà D thỏa thuận trả tổng số tiền gốc và lãi là 72.000.000đ, hàng tháng trả 2.000.000đ, trong vòng 36 tháng, bắt đầu từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2026. Thời gian trả là ngày 20 đến 30 hàng tháng. Tháng 4, 5 mỗi tháng trả 750.000đ. Sau khi thỏa thuận, tháng 4, 5/2023 bà D đã trả 1.500.000đ, tháng 6, 7, 8, 9/2023 trả mỗi tháng 2.000.000đ, tổng cộng bà D đã trả được 11.730.000đ, sau đó không trả nữa. Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà Đinh Thị Bích D và ông Hồ Quang L trả số tiền gốc và lãi đến tháng 02/2024 là 47.453.000đ. Nay bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Hồ Quang L, chỉ yêu cầu bà D trả nợ tiền gốc là 37.800.000đ và tiền lãi 1,5%/tháng, tính từ ngày viết giấy vay và giao tiền là ngày 24/3/2021, tạm tính đến ngày 24/3/2024 là 36 tháng thành tiền là 20.412.000đ sau đó trừ đi số tiền đã nhận 11.730.000đ, còn lại 8.682.000đ. Tổng cộng yêu cầu bà D trả tiền gốc và lãi là 46.482.000đ, trả một lần. Ngoài ra, tại phiên tòa bà N yêu cầu bà D phải trả tiền lãi tính từ ngày 25/3/2024 đến ngày xét xử 14/6/2024 là 1.512.000đ, tổng cộng là 47.994.000đ

*Bị đơn bà Đinh Thị Bích D trình bày:* Ngày 27/01/2019 bà D vay của bà Vũ Thị Bích N số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), khi vay có viết giấy vay. Thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng nhưng trong giấy không ghi, không thỏa thuận thời gian trả. Khi vay ông L không biết. Số tiền gốc chưa trả cho bà N, nhưng có trả được 10.500.000đ tiền lãi của 14 tháng (mỗi tháng trả 750.000đ) tính từ 27/01/2019 đến 26/01/2020. Từ tháng 01/2020 trở đi do không trả tiền lãi cho bà N được nên ngày 26/3/2021 bà N cộng dồn lãi suất của 15 tháng là 12.800.000đ vào tiền gốc thành 37.800.000đ và yêu cầu lập giấy vay vốn kiêm hợp đồng ngày 24/3/2021. Giấy này thỏa thuận trả theo NHQT. Trong đó ghi thời hạn là 20 tháng tính từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2022, lãi suất 0,9% thành tiền là 44.600.000đ, trả góp mỗi tháng là 2.230.000đ. Trong giấy vay vốn kiêm hợp đồng ngày 24/3/2021 ghi tên ông Hồ Quang L nhưng thực tế không có ông L, ông L không biết. Từ lúc viết giấy vay ngày 24/3/2021 có trả cho bà N 2.230.000đ, tháng 4, 5/2023 trả 1.500.000đ, tháng 6,7,8,9/2023 trả mỗi tháng 2.000.000đ là 11.730.000đ. Tổng cộng cả 02 lần trả của giấy vay ngày 27/01/2019 và giấy ngày 24/3/2021 là 22.230.000đ. Nay bà D đồng ý trả cho bà N số tiền gốc 37.800.000đ. Còn tiền lãi đã trả sẽ khấu trừ vào lãi phải chịu từ lúc viết giấy vay ngày 24/3/2021 đến nay. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên trả mỗi tháng 2.000.000đ tính từ tháng 8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng

đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Bích N;

Buộc bà Đinh Thị Bích D trả cho bà Vũ Thị Bích N số tiền gốc là 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Án phí đương sự chịu theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị Bích N khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Bích D trả số tiền gốc 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi từ ngày 23/4/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/6/2024) là 10.194.000đ. Tổng cộng là 47.994.000đ (bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn đồng). Tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do đó xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đinh Thị Bích D, cư trú tại xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N về việc yêu cầu bà D trả số tiền gốc 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng): Quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị Bích D thừa nhận ngày 24/3/2021 bà D có ký giấy xin vay vốn kiêm hợp đồng đối với cán bộ công nhân viên để vay của bà Vũ Thị Bích N số tiền 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), hạn trả là tháng 11/2022. Chữ ký và tên đại diện bên B trong giấy vay tiền ghi ngày 24/3/2021 là của bà D. Trong giấy ông Hồ Quang L - chồng bà D không ký và không biết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N rút một phần khởi kiện đối với ông Hồ Quang L, chỉ yêu cầu bà D trả tiền. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà N đối với ông L là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông L.

[2.2] Về số tiền cho vay: Theo bà D, ngày 27/01/2019 bà D vay của bà N số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), do không trả tiền lãi nên bà N cộng dồn lãi suất của 15 tháng là 12.800.000đ vào tiền gốc thành 37.800.000đ và yêu cầu lập giấy vay vốn kiêm hợp đồng ngày 24/3/2021. Bà N không đồng ý. Theo bà N lần vay ngày

27/01/2019 bà D đã trả xong nên bà N trả giấy vay lại cho bà D. Đến ngày 24/3/2021 bà N cho bà D vay số tiền 37.800.000đ. Bà D không có chứng cứ chứng minh việc cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc thành 37.800.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà D đồng ý trả cho bà N số tiền 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), mỗi tháng trả 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ, nhưng bà N không đồng ý. Xét yêu cầu của bà D về việc trả mỗi tháng 2.000.000đ là không có căn cứ. Do đó cần buộc bà D trả cho bà N số tiền 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), trả một lần.

[2.3] Về tiền lãi:

Theo bà N, tại giấy vay ngày 24/3/2021 bà D đã trả cho bà N 2.230.000đ. Do bà D không tiếp tục trả tiền vay và lãi suất nên ngày 03/3/2023 bà N kiện bà D tại trường học – nơi bà D công tác. Bà N và bà D thỏa thuận bà D sẽ trả cho bà N số tiền hàng tháng là 2.000.000đ trong vòng 36 tháng bắt đầu từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2026 thành tiền là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng). Tại phiên tòa, bà N xác định số tiền 72.000.000đ được tính:

- Từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2022 là 20 tháng, lãi suất 1,35% ( $0.9 \times 150\%$ ) là:  $37.800.000đ \times 1,35\%/tháng \times 20$  tháng thành tiền 10.206.000đ.

Cộng dồn tiền gốc 37.800.000đ và tiền lãi 10.206.000đ thành tiền là 48.000.000đ trừ số tiền đã nhận 2.230.000đ còn lại là 45.776.000đ.

- Từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2026 là 42 tháng, lãi 1,5% là:

$45.776.000đ \times 1.5\%/tháng \times 42$  tháng thành tiền là 28.838.000đ.

Cộng 02 khoản 45.776.000đ + 28.838.000đ thành tiền là 74.608.000đ. Do chủ tịch công đoàn tham dự buổi hòa giải yêu cầu bớt cho bà D 4.608.000đ nhưng bà N chỉ đồng ý bớt 2.608.000đ nên chỉ tính 72.000.000đ.

Trong số tiền thỏa thuận ngày 03/3/2023 bà D đã trả cho bà N 9.500.000đ. Tổng cộng bà D đã trả cho bà N 11.730.000đ (2.230.000đ + 9.500.000đ). Tại phiên tòa, bà D và bà N đồng ý số tiền 11.730.000đ là tiền lãi và sẽ khấu trừ vào số tiền lãi mà bà D phải chịu từ ngày viết giấy 24/3/2021 đến nay.

Nay bà N yêu cầu bà D trả tiền lãi 1,5%/tháng tính từ tháng 4/2021 đến tháng ngày xét xử sơ thẩm. Bà D chỉ đồng ý lãi tính 0,9%/tháng, không đồng ý lãi 1,5%/tháng.

Xét thấy: Tại giấy vay ngày 24/3/2021 bà N và bà D thỏa thuận lãi 0.9%/tháng. Hạn trả là tháng 11/2022 nhưng hết hạn bà N không khởi kiện bà D mà đến ngày 03/3/2023 mới kiện bà D nơi bà D công tác. Do đó lãi được tính từ tháng 4/2021 đến ngày 03/3/2023 là 24 tháng, lãi suất 0.9%/tháng, được tính:  $37.800.000đ \times 0.9\%/tháng \times 24$  tháng thành tiền 7.824.000đ. Lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/6/2024) là 17 tháng 11 ngày, lãi 1,5%/tháng, được tính:  $37.800.000đ \times 1.5\%/tháng \times 17$  tháng 11 ngày thành tiền là 9.846.000đ.

Tổng cộng lãi theo quy định bà D phải trả là 17.670.000đ.

Sau khi khấu trừ tiền lãi 11.730.000đ bà N đã nhận: 17.670.000đ - 11.730.000đ còn lại 5.940.000đ bà D phải trả cho bà N.

Như vậy, bà D phải trả cho bà N số tiền gốc 37.800.000đ và lãi 5.940.000đ. Tổng cộng là 43.740.000đ.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án thì “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Như vậy, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Bích N.

- Buộc bà Đinh Thị Bích D có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Bích N số tiền gốc là 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), tiền lãi là 5.940.000đ (năm triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 43.740.000đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Bích N về việc buộc ông Hồ Quang L trả tiền cho bà N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Bích D phải chịu 2.187.000đ (hai triệu một trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Bà Vũ Thị Bích N không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà N số tiền 1.186.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006132 ngày 15 tháng 3 năm 2024.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Chinh**